

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

MỤC LỤC

TRANG

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét	4
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ	6 - 18
Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ	19 - 26

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh

Số 4104000006 ngày 30 tháng 6 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 4104000006 cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006.

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 06/GPHĐKD ngày 29 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 18/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 8 năm 2014.

Hội đồng Quản trị

Ông Adrew Colin Vallis	Chủ tịch
Ông Trần Trọng Kiên	Thành viên
Ông Từ Tiến Phát	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Thanh Cần	Tổng Giám đốc
Ông Diệp Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Khoa	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Adrew Colin Vallis	Chủ tịch hội đồng Thành viên (Từ nhiệm ngày 11/7/2017)
Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Thành viên hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 11/7/2017)

Trụ sở chính

41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Chợ Lớn

747 Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Trương Định

107N Trương Định, Phường 6, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phòng giao dịch Bàu Cát

253-255-257 Nguyễn Hồng Đào, Phường 14, Quận
Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Phòng giao dịch Minh Khai

442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP
(tiếp theo)**

Chi nhánh Hà Nội	10 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Hải Phòng	15 Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	Lầu 4, Tòa nhà 218 Bạch Đằng, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Khánh Hòa	80 Quang Trung, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	111 Hoàng Hoa Thám, Phường 2 , Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	17 – 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Đồng Nai	Lầu 4, 220 Hà Huy Giáp, Khu phố 1, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
Công ty Kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng giám đốc của Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("Công ty") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 phù hợp với Thông tư 226/2010/TT-BTC ("Thông tư 226") ngày 31 tháng 12 năm 2010 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư 165/2012/TT-BTC ("Thông tư 165") ngày 9 tháng 10 năm 2012 do Bộ Tài Chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226 quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính, và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam. Trong việc lập báo cáo này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán; và
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện các tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở cho việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 và số 3 của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Điều hành của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê duyệt báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ kèm theo từ trang 5 đến 26. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ kèm theo được lập và trình bày phù hợp với Thông tư 226, Thông tư 165 và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2017 và được Ban điều hành của Công ty phê duyệt ngày 11 tháng 8 năm 2017. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này bao gồm báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu từ trang 5 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 ("Thông tư 226"), Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 165") do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi nhận thấy không có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty không được lập và trình bày phù hợp với Thông tư 226, Thông tư 165 và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2017-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6382
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Số Công văn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

**Trưởng bộ phận kiểm soát
nội bộ**

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phương Quang



Đỗ Thị Ngọc Hạnh



Trịnh Thanh Cần

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	65.614.399.404
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	66.991.672.283
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1 + 2 +3)	192.606.071.687
5	Vốn khả dụng	1.372.379.449.383
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6 =5/4)	712,53%

Các thuyết minh từ trang 18 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại	1.500.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	95.028.904.805		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	115.651.305.687		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	215.896.758.476		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		12.606.114.125	11.505.125.020
1A	Tổng			1.925.475.979.863

Các thuyết minh từ trang 18 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
B	Tài sản ngắn hạn	(1)	(2)	(3)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5		-	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động uỷ thác			
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Trả trước cho người bán		802.430.190	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	

Các thuyết minh từ trang 18 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
B	Tài sản ngắn hạn (tiếp theo)	(1)	(2)	(3)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động uỷ thác (tiếp theo)			
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5.	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.808.864	
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.707.400.075	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4.	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		15.000.000	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			2.528.639.129

Các thuyết minh từ trang 18 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
C	Tài sản dài hạn	(1)	(2)	(3)
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			

Các thuyết minh từ trang 18 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
C	Tài sản dài hạn (tiếp theo)	(1)	(2)	(3)
II	Tài sản cố định		73.455.173.615	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1.	Đầu tư vào công ty con		50.000.000.000	
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		389.245.432.770	
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác		37.867.284.966	
VI	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			550.567.891.351
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C			1.372.379.449.383

Ghi chú: Các chỉ tiêu không áp dụng cho mục đích lập được bảng tính vốn khả dụng không được thể hiện số liệu.

Các thuyết minh từ trang 18 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			-
1.	Tiền (VND)	0%	92.656.745.289	-
2.	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	140.000.000.000	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II.	Trái phiếu Chính phủ			-
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-

Các thuyết minh từ trang 18 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
III.	Trái phiếu doanh nghiệp			-
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV.	Cổ phiếu		244.093.184.698	63.568.799.404
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	72.550.433.210	7.255.043.321
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	17.000.787.500	2.550.118.125
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	65.854.806.000	13.170.961.200
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	18.754.511.181	5.626.353.354
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	69.932.646.807	34.966.323.403
V.	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán		1.256.000.000	125.600.000
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	1.256.000.000	125.600.000
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ.	30%	-	-

Các thuyết minh từ trang 18 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)****A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VI.	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16.	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50%	-	-
VII.	Chứng khoán khác		2.400.000.000	1.920.000.000
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	2.400.000.000	1.920.000.000
18.	Các tài sản đầu tư khác	-	-	-
VIII.	Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định dựa trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ trong các khoản dự phòng			
A.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)			65.614.399.404

Các thuyết minh từ trang 18 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro VND						Tổng giá trị rủi ro VND
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
Rủi ro trước thời hạn thanh toán							
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	8.400.000.000	816.083.161	9.216.083.161
2.	Cho vay chứng khoán/ Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
3.	Vay chứng khoán/ Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/ Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/ Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
I. TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN						9.216.083.161	

Các thuyết minh từ trang 18 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

- I. **BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**
 B. **GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)**
 2. **Rủi ro quá thời hạn thanh toán**

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		%	VND	VND
Rủi ro quá thời hạn thanh toán				
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	125.358	20.057
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	211.284	101.416
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%	57.775.467.649	57.775.467.649
II. TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				57.775.589.122

3. **Rủi ro tăng thêm**

	Chi tiết các khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		%	VND	VND
Rủi ro tăng thêm		-	-	-
III. TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				-
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				66.991.672.283

Các thuyết minh từ trang 19 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****II BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)****C GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG**

	Chi tiêu	Giá trị VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	270.125.523.197
	Trong đó:	
	- Chi phí hoạt động kinh doanh và Chi phí tài chính	225.333.364.992
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.792.158.205
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	76.596.244.715
	1. Chi phí khấu hao	13.196.551.774
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	7.924.273.670
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	13.879.291.200
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	41.596.128.071
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	193.529.278.482
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	48.382.319.621
V.	20% Vốn pháp định của Công ty	60.000.000.000
C.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	60.000.000.000
D.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A + B + C)	192.606.071.687

Nguyễn Phương Quang
Kế toán trưởngĐỗ Thị Ngọc Hạnh
Bộ phận kiểm soát nội bộTrịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 19 đến 26 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận Đăng kí Kinh doanh số 4104000006. Công ty được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Á Châu ("Ngân hàng mẹ"), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có một công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB ("ACBC") được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 235 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 243 nhân viên).

2 CƠ SỞ SOẠN LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Văn bản pháp quy và các diễn giải được áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 ("Thông tư 226"), Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 165") do Bộ Tài chính ban hành quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các diễn giải được Công ty áp dụng trong một số trường hợp đặc thù không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 226 và Thông tư 165 trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư 226 và Thông tư 165 chưa có hướng dẫn cụ thể, Công ty đã áp dụng các diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu "Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật" (Chỉ tiêu g, Khoản 1, Điều 4 – Vốn khả dụng, Thông tư 226)

Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng của lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và số dư các khoản dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Chỉ tiêu "Các khoản phải thu" (Chỉ tiêu g, Khoản 1, Điều 9 – Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư 226)

Chỉ tiêu này bao gồm cả các khoản phải thu khác và các tài sản khác có tiềm ẩn rủi ro thanh toán và các khoản mục này sẽ được xác định giá trị rủi ro thanh toán theo công thức quy định trong Thông tư 226.

Chỉ tiêu "Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư" (Khoản 1, Điều 5 – Các khoản giảm trừ, Thông tư 226)

Chỉ tiêu này chỉ bao gồm các phần giảm giá trị của chứng khoán đầu tư, không bao gồm các khoản giảm giá trị của hợp đồng giao dịch ký quỹ và tạm ứng giao dịch chứng khoán.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

2 CƠ SỞ VIỆC SOẠN LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.1 Văn bản pháp quy và các diễn giải được áp dụng (tiếp theo)

Chỉ tiêu “Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư” (Khoản 1, Điều 6 – Các khoản tăng thêm, Thông tư 226).

Chỉ tiêu này chỉ bao gồm các giá trị tăng thêm của chứng khoán đầu tư, không bao gồm các khoản giảm giá trị của hợp đồng giao dịch ký quỹ và tạm ứng giao dịch chứng khoán.

Chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán” (Chỉ tiêu 2 và 3, Phần II, Mục C – Rủi ro hoạt động, Thông tư 226)

Chỉ tiêu này được xác định bằng số chi phí dự phòng trích lập trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và không bao gồm số dự phòng được hoàn nhập trong năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền Đồng Việt Nam và được trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ theo Đồng Việt Nam (“Đồng” hoặc “VND”).

3 CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHỦ YẾU

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 226 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2 Vốn khả dụng

Theo quy định trong Thông tư 226, vốn khả dụng của Công ty được xác định bằng tổng vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối được cộng lại số dư các tài khoản dự phòng trên bảng cân đối kế toán tại ngày lập báo cáo.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

3 CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản điều chỉnh tăng

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Giá trị của các chủ nợ có thời hạn ban đầu là năm (5) năm của Công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu tối thiểu trên 10 năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; và
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ.

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3.2.2 Các khoản điều chỉnh giảm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Năm mươi phần trăm giá trị tăng lên của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn.
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày;
- Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có).

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba) và giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản và giá trị sổ sách (đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng).

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

3 CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá trị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán.
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư 226.

3.3.2 Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng Đồng Việt Nam là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá mua; mệnh giá; giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

3 CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản (tiếp theo)

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán.

Giá trị của cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UpCom là giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, hoặc cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; giá trị sổ sách; giá mua; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

3 CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.3. Giá trị rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro

Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.

Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể các chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****3 CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHỦ YẾU
(tiếp theo)****3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)****3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác**

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn quy định trong Thông tư 226.

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.	0%	-	-
(2)	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,8%	-	-
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD	3,2%	-	-
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD	4,8%	-	-
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam.	6%	140.000.000.000	8.400.000.000
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác.	8%	10.201.039.508	816.083.161

3.4.2 Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian

	Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
(1)	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	125.358	20.057
(2)	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
(3)	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	211.284	101.416
(4)	Từ 60 ngày trở đi	100%	57.775.467.649	57.775.467.649

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****3 CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHỦ YẾU
(tiếp theo)****3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)****3.4.3 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
(1)	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
(2)	Cho vay chứng khoán/ Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max} \{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$
(3)	Vay chứng khoán/ Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max} \{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
(4)	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/ Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max} \{(\text{Giá trị của hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
(5)	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/ Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max} \{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
(6)	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max} \{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$

3.4.4 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản đảm bảo là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản đảm bảo trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản được giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1- Hệ số rủi ro thị trường)

3.4.5 Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHỦ YẾU
(tiếp theo)**

4.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.6 Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ rỗng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

3.5 Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ trừ đi chi phí khấu hao dự phòng, dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn; dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; dự phòng phải thu khó đòi.

4 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ này.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 11 tháng 8 năm 2017.



Nguyễn Phương Quang
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Ngọc Hạnh
Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ



Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc